TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST
Ngày: 13/3/2019.
V/v Kiện đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Công Đạt
2. Ông Nguyễn Ngọc Thọ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên toà:* Ông Lê Quý Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2019 tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về *"Kiện đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Đào Quang D; bà Lê Thị T - có mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Chu Văn K; bà Trương Thị Th – có mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 6/12/2018; quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng ông Đào Quang D, bà Lê Thị T, trình bày:

Gia đình ông D, bà T có một lô rẫy cà phê có diện tích 1,8 ha tại xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Do có quen biết nên vào tháng 3 năm 2016, ông bà giao khoán cho vợ chồng ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th canh tác đối với lô rẫy này. Hai bên có lập hợp đồng giao khoán theo đó vợ chồng ông K, bà Th có trách nhiệm quản lý, đầu tư, chăm sóc và thu hoạch cà phê, đồng thời mỗi năm ông K, bà Th phải nộp khoán cho ông D, bà T sản lượng là 2.500 kg cà phê nhân xô quy chuẩn. Sau khi nhận khoán thì ông K, bà Th vi phạm hợp đồng giao khoán, cụ thể là bỏ bê không chăm sóc, làm hư hỏng rẫy cà phê của ông D, bà T. Khi ông D, bà T lấy lại đất để canh tác thì ông K, bà T đã khởi kiện ra Tòa án và Tòa án đã tuyên bố hợp đồng giao khoán vô hiệu (hiện đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật). Tuy nhiên khi kết thúc hợp đồng giao khoán

thì vợ chồng ông K, bà Th còn nợ lại ông D, bà T một số tài sản cụ thể: 01 chiếc bơm ba pha, 50 mét dây điện ba pha trị giá 3.000.000đ; Chi phí cho việc chăm sóc, tưới cà phê gồm tiền công tưới 02 đợt, mỗi đợt 20 công x 200.000 đồng x 2 = 8.000.000 đồng; 02 can dầu tưới trị giá 3.000.000 đồng, tiền cắt cành 500 cây cà phê (cắt trước khi giao rẫy) x 5.000đ/cây = 2.500.000 đồng; tổng số tiền là 16.500.000 đồng.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của mình, ông D, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết buộc vợ chồng ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th phải trả lại số tiền 16.500.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm vợ chồng ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th trình bày:

Đối với các yêu cầu của của vợ chồng ông Đào Quang D, bà Lê Thị T thì ông K, bà Th chỉ thừa nhận khoản nợ là 01 bơm ba pha, 50 m dây điện ba pha trị giá 3.000.000 đồng, còn lại các khoản như ông D, bà T kê khai là chi phí cho việc chăm sóc, tưới cà phê gồm tiền công tưới 02 đợt, mỗi đợt 20 công x 200.000đ/công = 8.000.000 đồng; 02 can dầu tưới trị giá 3.000.000 đồng, tiền cắt cành 500 cây cà phê (cắt trước khi giao rẫy) x 5.000đ/cây = 2.500.000 đồng là hoàn toàn không có, ông K, bà Th không chấp nhận. Ngoài ra ông K, bà Th đã trả 5.500.000 đồng tiền phân bón và có trả thêm 1.000.000 đồng tiền ông D, bà T tính lãi thêm. Do đó vợ chồng ông K, bà Th chỉ chấp nhận trả khoản nợ là 01 bơm ba pha, 50 m dây điện ba pha trị giá 3.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ là 01 bơm ba pha, 50 m dây điện ba pha trị giá 3.000.000 đồng. Ngoài ra, các khoản chi phí khác không có căn cứ nên không chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; nguyên đơn ông Đào Quang D, bà Lê Thị T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là loại tranh chấp về "Kiện đòi lại tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ kiện: Xét yêu cầu của vợ chồng ông Đào Quang D, bà Lê Thị T cho rằng trước khi kết thúc hợp đồng giao khoán thì vợ chồng ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th còn nợ lại gia đình ông D, bà T một số tài sản cụ thể gồm: 01 chiếc bơm ba pha, 50 mét dây điện ba pha trị giá 3.000.000 đồng; Chi phí cho việc chăm sóc, tưới cà phê gồm tiền công tưới 02 đợt, mỗi đợt 20 công x 200.000đ/công x 2 = 8.000.000 đồng; 02 can dầu tưới trị giá 3.000.000 đồng; tiền cắt cành 500 cây cà phê (cắt trước khi giao rẫy) x 5.000đ/cây = 2.500.000 đồng; tổng số tiền là 16.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với yêu cầu đòi lại giá trị 01 chiếc bơm ba pha, 50 mét dây điện ba pha trị giá 3.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận. Bởi lẽ, đối với yêu cầu này được bị đơn vợ chồng ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th thừa nhận mà không cần chứng minh, đồng thời yêu cầu này phù hợp với chứng cứ tại giấy ghi nợ đề ngày 6/3/2016 mà nguyên đơn cung cấp được các bên thừa nhận.

Đối với yêu cầu của ông D, bà T về chi phí cho việc chăm sóc, tưới cà phê gồm tiền công tưới 02 đợt, mỗi đợt 20 công x 200.000đ/công x 2 = 8.000.000 đồng; 02 can dầu tưới trị giá 3.000.000 đồng, tiền cắt cành 500 cây cà phê (cắt trước khi giao rẫy) x 5.000đ/cây = 2.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định, đối với yêu cầu trên là không có căn cứ, vì vợ chồng ông D, bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho những yêu cầu này và vợ chồng ông K, bà Th không thừa nhận. Hơn nữa trong hợp đồng giao khoán sản lượng cà phê giữa vợ chồng ông D, bà T và vợ chồng ông K, bà Th ký kết ngày 6/3/2016 không đề cập đến chi phí trên; Xét yêu cầu này cũng không phù hợp với thực tế giao khoán rẫy tại địa phương, bởi lẽ chi phí trên theo ông D, bà T là phát sinh trước thời điểm giao khoán rẫy, nên theo đó người nhận khoán sẽ chỉ chịu trách nhiệm đầu tư chăm sóc rẫy sau thời điểm nhận khoán mới phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đào Quang D, bà Lê Thị T. Buộc vợ chồng ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th phải trả lại cho ông D, bà T 3.000.000 đồng giá trị 01 chiếc bơm ba pha, 50 mét dây điện ba pha. Đối với các khoản yêu cầu khác của ông D, bà T là chi phí cho việc chăm sóc, tưới cà phê gồm tiền công tưới 02 đợt, mỗi đợt 20 công x 200.000đ/công x 2 = 8.000.000 đồng; 02 can dầu tưới trị giá 3.000.000 đồng; tiền cắt cành 500 cây cà phê (cắt trước khi giao rẫy) x 5.000đ/cây = 2.500.000 đồng, tổng số tiền là 13.500.000 đồng không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của ông Đào Quang D, bà Lê Thị T được chấp nhận một phần nên ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng. Nguyên đơn ông Đào Quang D, bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận (16.500.000đ – 3.000.000đ = 13.500.000đ) là 675.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 166 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng Đào Quang D, bà Lê Thị T.

Buộc vợ chồng ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th phải trả cho vợ chồng Đào Quang D, bà Lê Thị T số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tương ứng với giá trị 01 chiếc bơm ba pha, 50 mét dây điện ba pha.

Bác yêu cầu của ông D, bà T đối với số tiền chi phí cho việc chăm sóc, tưới cà phê gồm: tiền công tưới 02 đợt, mỗi đợt 20 công x 200.000đ/công x 2 = 8.000.000 đồng; 02 can dầu tưới trị giá 3.000.000 đồng; tiền cắt cành 500 cây cà phê (cắt trước khi giao rẫy) x 5.000đ/cây = 2.500.000 đồng, tổng cộng là 13.500.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

[2]. Về án phí: Nguyên đơn ông Đào Quang D, bà Lê Thị T phải nộp 675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 412.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0009971 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Ông Đào Quang D, bà Lê Thị T còn phải nộp tiếp số tiền 263.000 đồng (hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Bị đơn ông Chu Văn K, bà Trương Thị Th phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện Krông Búk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Lê Anh Thái